

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2018/DS-PT

Ngày: 16/8/2018

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu

Các thẩm phán: Bà Hà Thảo Quyên.

Bà Phan Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16/8/2018, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2018/TLPT-DS ngày 16/7/2018 về: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 163/2018/QĐ-PT, ngày 26/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: khu A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Mai Thành T, sinh năm: 1971.

Thường trú: xã D, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Khu A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Do có kháng cáo của bị đơn ông Mai Thành T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Vào năm 2004, bà có chung sống với ông Mai Thành T, đến cuối năm 2016 thì chia tay. Năm 2007, bà có mua 01 chiếc xe ba bánh biển số 60X2-3461 ở cửa hàng xe tại thành phố X để giao cho ông T chạy xe thuê kiếm tiền. Chiếc xe này do bà đứng tên trong cà vẹt xe. Hiện bà và ông T không chung sống nữa

nhưng ông T không trả lại chiếc xe cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả lại xe.

- *Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Thành T trình bày:*

Ông và bà H tự nguyện chung sống từ năm 2005, đến năm 2016 thì chia tay. Vào năm 2007, ông có vay mượn mua chiếc xe ba bánh biển số 60X2-3461 với giá 37.000.000đ. Do không có chứng minh nhân dân nên ông để cho bà H đứng tên. Nay, bà H khởi kiện, ông không đồng ý trả lại chiếc xe này vì ông xác định chiếc xe này thuộc quyền sở hữu của ông.

Quá trình sử dụng xe, ông đã trả nợ cho người khác đầy đủ nên nay ông có ý kiến: Ông sẽ sở hữu xe và đồng ý thanh toán lại cho bà H số tiền 20 triệu đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 07/5/2018, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 39, 165, 203, 220, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết H.

Buộc ông Mai Thành T phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết H 01 bản chính Giấy đăng ký mô tô, xe máy và 01 chiếc xe 03 bánh hiệu Sandi biển số 60X2-3461 do bà Nguyễn Thị Tuyết H đang đứng tên trong giấy đăng ký mô tô, xe máy do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/9/2007.

Buộc ông Mai Thành T phải trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết H chi phí tố tụng là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Về án phí DSST: Ông T phải nộp 300.000đ. Hoàn trả cho bà H 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 006950 ngày 13/10/2017 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/5/2018, bị đơn ông Mai Thành T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Chiếc xe 03 bánh hiệu Sandi biển số 60X2-3461 hiện do bà H đứng tên chủ xe được tạo lập trong thời kỳ bà H, ông T sống

với nhau như vợ chồng. Tuy nhiên, tại Biên bản đối chất ngày 05/12/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà H và ông T đều xác định chiếc xe không phải là tài sản chung của hai người. Ông T cho rằng ông vay của bà G 1.000 USD, của bà U 20.000.000 đồng để mua xe vào năm 2007 và đã trả đủ cho bà G, bà U sau đó mấy tháng nhưng không được bà G, bà H thừa nhận, còn bà U lại khai năm 2009 bà H, ông T mới trả hết tiền. Trước đây, ông T khai ông không có chứng minh nhân dân nên để bà H đứng tên giấy tờ xe nhưng tại phiên tòa hôm nay ông lại trình bày do lúc đó ông bị mất chứng minh nhân dân. Như vậy, lời khai của ông T trước sau bất nhất, không đáng tin cậy, không có cơ sở xác định chiếc xe là tài sản chung, cũng không phải là tài sản riêng của ông T nên yêu cầu kháng cáo của ông T là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Mai Thành T trong hạn luật định, ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định là đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Mai Thành T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn, đến cuối năm 2016 thì chia tay. Theo bà H thì năm 2007 bà mua chiếc xe 03 bánh hiệu Sandi biển số 60X2-3461 với giá 37.000.000 đồng để ông T làm ăn, còn ông T lại cho rằng chiếc xe 03 bánh hiệu Sandi biển số 60X2-3461 là do ông vay tiền mua với giá 37.000.000 đồng vào năm 2007. Như vậy, chiếc xe 03 bánh hiệu Sandi biển số 60X2-3461 hiện do bà H đứng tên chủ xe được tạo lập trong thời kỳ bà H, ông T sống với nhau như vợ chồng. Tuy nhiên, tại Biên bản đối chất ngày 05/12/2017 và tại phiên tòa, bà H, ông T đều xác định chiếc xe không phải là tài sản chung của hai người.

Theo lời trình bày của người làm chứng bà Nguyễn Thị Tuyết G được các bên đương sự nghe, ghi nhận thì năm 2007, bà G cho bà H 1.000 USD để mua xe ba bánh, số tiền còn lại do bà H vay mượn. Lời khai của bà M, anh P cũng xác định nguồn gốc số tiền mua xe là do bà G cho bà H 1.000 USD. Ông T cho rằng ông vay của bà G 1.000 USD và đã trả đủ cho bà G nhưng không được bà G, bà H thừa nhận. Ông T cho rằng vay của bà U 20.000.000 đồng mua xe và đã trả sau bốn đến năm tháng, nhưng bà U lại khai năm 2009 bà H, ông T mới trả hết tiền. Lời trình bày của ông T, bà U là có mâu thuẫn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2017 (BL 17), ông T khai lúc đó ông không có chứng minh nhân dân nên bà H đứng tên giấy tờ xe nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông lại trình bày do lúc đó ông bị mất chứng minh nhân dân nên ông để bà H đứng tên giấy tờ xe. Như vậy, lời trình bày của ông T trước sau không thống nhất, không đáng tin cậy. Ngoài lời trình bày của mình, ông T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

bà H, buộc ông T phải trả lại cho bà H 01 chiếc xe 03 bánh hiệu Sandi biển số 60X2-3461 do bà Nguyễn Thị Tuyết H đang đứng tên trong giấy đăng ký mô tô, xe máy do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/9/2007 và giấy tờ, buộc ông T phải trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết H 3.750.000 đồng chi phí tố tụng và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Mai Thành T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết H:

Buộc ông Mai Thành T phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết H 01 chiếc xe 03 bánh hiệu Sandi biển số 60X2-3461 và 01 bản chính Giấy đăng ký mô tô, xe máy do bà Nguyễn Thị Tuyết H đang đứng tên do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/9/2007.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Mai Thành T phải trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết H chi phí tố tụng là 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí: Ông Mai Thành T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai số 002245 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, ông Mai Thành T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006950 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Đường sự ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Bá Nhu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thu Hương

Hà Thảo Uyên

Nguyễn Bá Nhu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Các Thẩm phánThẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thu Hương Trần Thị Thanh Hà Nguyễn Bá Nhu